

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ATN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ATN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ATN TRADING AND PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110522746

3. Ngày thành lập: 27/10/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11-BT4, Đường Foresa 3, Khu Đô Thị Xuân Phương, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0528838666

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511
2.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4541
3.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động, môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4610
4.	Bán buôn thực phẩm (trừ các loại nhà nước cấm)	4632
5.	Bán buôn đồ uống (Trừ đồ uống có cồn)	4633
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu. (Trừ bán buôn được phẩm)	4649(Chính)
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ loại Nhà nước cấm)	4659
11.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng)	4662
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
13.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
14.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
15.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại nhà nước cấm)	4690
16.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
17.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ đầu giá)	4719
18.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
19.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
20.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
21.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
22.	In ấn (trừ loại Nhà nước cấm)	1811
23.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ rập khuôn tem)	1812
24.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
25.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
26.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
27.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội)	2599
28.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610

29.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
30.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
31.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
32.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
33.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
34.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
35.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
36.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
37.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ sản xuất răng giả)	3250
38.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
39.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
40.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
41.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại Nhà nước cấm)	4761
42.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
43.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
44.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
45.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CAO ANH QUÝ	Số nhà 16, đường Cổ Nhuế, Tổ dân phố Đồng 3, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	25,000	0010830002 09	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	75.000	750.000.000	25,000		
2	CAO HẢI YẾN	505 - C8 Quỳnh Mai, Phường Quỳnh Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	30,000	0011660251 22	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	90.000	900.000.000	30,000		

3	CAO THU HẰNG	Số nhà 16, đường Cổ Nhuế, Tổ dân phố Đồng 3, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	135.000	1.350.000.000	45,000	001184034860
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	135.000	1.350.000.000	45,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CAO THU HẰNG
Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 08/11/1984
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001184034860

Ngày cấp: 08/12/2021
Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 16, đường Cổ Nhuế, Tổ dân phố Đồng 3, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 16, đường Cổ Nhuế, Tổ dân phố Đồng 3, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội